| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẬU LỘC**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **50**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2020
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HOÁ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Chuyên.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Quang Xuân
Bà Ngô Thị Phú
***-Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án.
Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
***- Viện kiểm sát ND huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án *"Hôn nhân và gia đình*"thụ lý số 87/2019/ HNGĐ-TLST ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/02/ 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐHPT Ngày 12/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐHPT Ngày 07/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Ph. L- Sinh năm 1972.
Địa chỉ: Thôn P. L, xã Đ. L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Lê Sỹ Th - Sinh năm 1972.
Địa chỉ: Thôn P. L, xã Đ. L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Ph. L và anh Lê Sỹ Th có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***1.Theo nguyên đơn chị Vũ Thị Ph. Ltrình bày như sau:***

* *Về hôn nhân:* Chị và anh Lê Sỹ Th tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. L. Lý do không đăng ký kết hôn là do anh Th đi làm ăn xa không về kịp, sau đó nhiều lần chị có nói với anh Th

đi đăng ký kết hôn nhưng anh Th nói không quan trọng nên từ năm 1991 đến nay vợ chồng chị vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Chị và anh Th chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th không quan tâm, chăm sóc gia đình và vợ con, mặt khác anh Th còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và còn tuyên bố anh Th sẽ lấy vợ hai. Mặc dù chị và mọi người trong gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Th vẫn không thay đổi, từ khoảng tháng 6 năm 2017 đến nay chị và anh Th đã sống ly thân và không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Th nên đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết không công nhận chị và anh Th là vợ chồng.

* *Về con chung:* Chị và anh Th có 3 con chung, cháu đầu tên là Lê Thị Ph, sinh ngày 24/3/1993, cháu thứ hai tên là Lê Thị H, sinh ngày 10/7/1999, hai cháu giờ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu thứ ba tên là Lê Sỹ A. Đ, sinh ngày 13/5/2005, cháu Đ đang ở chung nhà với chị và anh Th. Hiện nay cháu Đ bị bệnh về thể chất không tự sinh hoạt cá nhân được nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị đề nghị được nuôi cháu Đ và yêu cầu anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ cùng chị đến khi cháu đủ tuổi thành niên, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

****Về tài sản chung:*** Vợ chồng có tài sản chung gồm:

- 01 Thửa đất số 277, tờ bản đồ 09, diện tích 640 $m^2$ tại thôn Phú Lý, xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc. Trị giá đất khoảng 1.000.000.000đ;

Trên đất có các tài sản: Một căn nhà 03 tầng diện tích sàn 360 m2. Trị giá nhà là 1.000.000.000đ; 01 Quán lá cọ trị giá 300.000.000đ; 01 Nhà kho trị giá 100.000.000đ; Hệ thống tường rào bao quanh nhà và cổng sắt trị giá 30.000.000đ;

Các tài sản khác: 01 Sập gụ trị giá 30.000.000đ; 01 Bộ bàn ghế ngồi tiện bằng gỗ trị giá 20.000.000đ; 01 Ti vi Samsung trị giá 10.000.000đ; 02 tủ lạnh trị giá 06 triệu đồng; 01 tủ bảo ôn trị giá 3.000.000đ; 10 bộ bàn ghế bằng tre trị giá 10.000.000đ; 01 Xe ô tô anh Th đang sử dụng trị giá 200.000.000đ; 01 xe máy trị giá 5.000.000đ; Tổng giá trị tài sản là: 2.714.000.000đ *(hai tỷ bảy trăm mười bốn triệu đồng).* Chị đề nghị Tòa án phân theo quy định của pháp luật.

**Về công nợ chung:* Năm 2018 chị và anh Th có ký hợp đồng vay nợ Ngân hàng Quốc tế VIB chi nhánh Thanh Hóa (Đ/c: Số 2, đường Lê Hữu Lập, Thành Phố Thanh Hóa) số tiền 1.000.000.000đ. (*một tỉ đồng*). Là tiền vợ chồng vay cho anh Th làm vốn kinh doanh riêng, anh Th đồng ý trả số nợ trên, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.Theo bị đơn - anh Lê Sỹ Th trình bày:***

**Về hôn nhân:* Việc anh và chị L chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay là đúng thực tế, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Lộc. Thời gian anh và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 27 năm thì chị L chủ động cắt đứt quan hệ tình cảm với

anh do chị L hiểu nhầm anh và không tin tưởng anh về vấn đề kinh tế. Vì nghĩ cho các con nên anh đã khuyên bảo chị L nhiều lần, nhưng chị L vẫn cố tình không nghe và làm đơn xin ly hôn. Anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị L cũng không còn nên anh cũng đồng ý không sống chung với chị L, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Về con chung:* Anh và chị L có 3 con chung, cháu đầu tên là Lê Thị Ph, sinh ngày 24/3/1993, cháu thứ hai tên là Lê Thị H, sinh ngày 10/7/1999, hai cháu giờ đã trưởng thành nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu thứ ba tên là Lê Sỹ A Đ, sinh ngày 13/5/2005, cháu Đ đang ở với anh và chị L. Nếu vợ chồng không còn sống chung với nhau thì cháu Đức ở với ai là quyền của cháu, nếu cháu Đức ở với chị L thì việc cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thỏa thuận với chị L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:* Vợ chồng có một số tài sản chung gồm: 01 căn nhà 3 tầng gắn liền với diện tích đất 200 m2 tại thôn P. L, xã Đ L, trị giá nhà và đất khoảng 2.000.0000.000đ;01 quán lá cọ trị giá khoảng 20.000.000đ đến 40.000.000đ.
01 nhà kho trị giá 50.000.000; 01 sập gụ trị giá 10.000.000đ.

Trường hợp phân chia tài sản thì anh đề nghị được lấy toàn bộ tài sản và sẽ đưa cho chị L 500.000.000đ, thời gian giao tiền là vào tháng 9/2019 nếu chị L không đồng ý thì anh sẽ có đơn đề nghị Tòa án phân chia theo cách khác.

**Về công nợ chung:* Anh và chị L có ký vay ngân hàng số tiền 1 tỷ đồng, số nợ trên anh sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng và không yêu cầu chị L phải trả.

***3.Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

+Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về việc anh Th và chị L tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đúng như các đương sự trình bày.

+Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273 BLTTDS.

Điều 9, Điều 14,Điều 15 Điều 53; Điều 58, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Để nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, tuyên xử:

-*Về hôn nhân*: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Vũ Thị Ph. L và anh Lê Sỹ Th.

-*Về con chung*: Giao cháu Lê Sỹ A Đ, sinh ngày 13/5/2005 cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và chị L, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ cùng chị L mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020.

-*Về tài sản công nợ*: Chấp nhận đề nghị rút yêu cầu chia tài sản của chị Vũ

Thị Phương L. Về công nợ anh Th và chị L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

-*Về án phí*: Chị Vũ Thị Ph. L phải chịu án phí Ly hôn theo quy định của pháp luật. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản cho chị L. Anh Thinh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Vũ Thị Ph. Lvà anh Lê Sỹ Th là tranh chấp về *"Hôn nhân và gia đình*". Bị đơn có địa chỉ tại thôn P L, xã Đ. L, huyện Hậu Lộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng với hai bên đương sự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh Th có đến Tòa án để làm bản tự khai, sau đó Tòa án tiếp tục triệu tập anh Th đến để giải quyết vụ án nhưng anh Th vắng mặt.

Ngày 12/3/2020 Tòa án mở phiên Tòa lần thứ nhất anh Lê Sỹ Th vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo phiên tòa lần thứ hai ngày 07/4/2020, nhưng do tình hình dịnh covid -19, nên phải hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa lần thứ ba vào ngày 23/4/2020,chị Ph. Lvà anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

**[3]Về nội dung vụ án:** Trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị Ph. L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung, trong quá trình giải quyết chị L xin rút yêu cầu chia tài sản. Nhưng chị L và anh Th không đăng ký kết hôn, nên vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải, do anh Th cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Chị L đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***-Về hôn nhân:*** Chị Vũ Thị Ph. L và anh Lê Sỹ Th tự nguyện về chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quan của người Việt Nam năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy là hôn nhân không hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 26 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị L là do anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác, mặc dù mọi người trong gia đình đã can thiệp, chị đã cố gắng khuyên ngăn anh nhưng anh Th vẫn không thay đổi, nên vợ chồng đã sống

ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xét thấy tình cảm giữa chị và anh Th không thể hàn gắn được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Theo anh Th thì vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, nhưng do chị L hiểu nhầm và không tin tưởng anh về vấn đề kinh tế, anh đã nhiều lần trao đổi và phân tích cho chị L nhưng chị L không chịu, nay chị L làm đơn xin ly hôn anh. Quan điểm của anh Th xét thấy anh cũng không còn tình cảm với chị L nữa, nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Xét thấy chị Vũ Thị Ph. Lvà anh Lê Sỹ Th đã có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, tự nguyện về sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của người Việt Nam, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hai bên bất đồng về quan điểm nên đã xảy ra nhiều mẫu thuẫn, nên anh chị đã phải sống ly thân từ tháng 06/2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, nay chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th, quan điểm của anh Th cũng nhất trí ly hôn. Mặc dù vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải, tuy nhiên, nếu anh chị vẫn còn yêu thương nhau và bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn thì anh chị có thể quay về đi đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhau. Nhưng cả anh Th và chị L xét thấy không còn tình cảm giữa anh, chị không thể hàn gắn được nữa, nên cùng nhau đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn nhau. Xét về điều kiện kết hôn thì chị L và anh Th có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Phương L. Không công nhân quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Th là phù hợp với pháp luật.

***-Về con chung*:** Chị Vũ Thị Ph. L và anh Lê Sỹ Th xác định vợ chồng có 3 con chung, cháu đầu tên là Lê Thị Ph, sinh ngày 24/3/1993, cháu thứ hai tên là Lê Thị H, sinh ngày 10/7/1999, hai cháu giờ đã trưởng thành nên chị L và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu thứ ba tên là Lê Sỹ A Đ, sinh ngày 13/5/2005, cháu Đ đang ở cùng với chị L. Hiện nay cháu Đ bị bệnh về thể chất, vợ chồng ly hôn thì chị L đề nghị được nuôi cháu Đức và yêu cầu anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Quan điểm của anh Th về việc nuôi con, cháu Đ ở với ai là quyền của cháu.Ý kiên của cháu Đ mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nhưng nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

Xét đề nghị về việc nuôi con của chị L và anh Th, trên cơ sở mong muốn của cháu Đ, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ cùng chị L mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ

***-Về tài sản*:** Chị Vũ Thị Ph. L và anh Lê Sỹ Th xác định vợ chồng có một số tài sản chung khi làm đơn xin ly hôn chị L và anh Th không yêu cầu giải quyết phần tài sản, ngày 05/8/2019 chị L có đơn yêu cầu giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng, đến ngày 07/01/2020 chị L có đơn xin rút yêu cầu giải quyết phần tài sản. Xét thấy việc rút yêu cầu giải quyết phần tài sản của chị L là hoàn toàn tự nguyện, mặt khác quá trình giải quyết anh Th cố tình không đến Tòa và cũng không có văn bản gì về việc yêu cầu phản tố (hoặc) yêu cầu độc lập đối với phần tài sản chung của vợ chồng, nên HĐXX chấp nhận đơn xin rút yêu cầu giải quyết phần tài sản chung của chị Vũ Thị Phương L. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của vợ chồng anh Th và chị L. Nếu sau này chị L và anh Th có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì anh Th và chị L có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

***-Về công nợ*:** Chị Vũ Thị Ph. L và anh Lê Sỹ Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

**[4]Về án phí**: Buộc chị Vũ Thị Ph. L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm , trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản. Anh Th phải chịu án cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

-Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

***Xử:** Vắng mặt chị Vũ Thị Ph. L và anh Lê Sỹ Th.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Ph. L đối với anh Lê Sỹ Th.

**1.Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Ph. Lvà anh Lê Sỹ Th.

**2.Về con chung:** Giao cháu Lê Sỹ A Đ, sinh ngày 13/5/2005 cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung , không ai được cản trở.

***Về án phí:** Chị Vũ Thị Ph. L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0005488 ngày 25/4/2019. Trả lại cho chị L số tiền 26.570.000đ tạm ứng

án phí chia tài sản theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0005579 ngày 13/8/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu Lộc. Anh Th phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

***Về quyền kháng cáo:** Anh Th và chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) bản án được niêm yết tại địa phương nơi anh chị cư trú.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã Ký)*

**Nguyễn Xuân Chuyên**

**Nơi nhận:**
- *VKSND huyện Hậu Lộc;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;*
- *UBND xã Đ L;*
- *Lưu hồ sơ*